TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2026/HNGĐ-ST
Ngày 11-08-2026
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ TĨNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Hoàng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Luận
Ông Nguyễn Văn Hồng

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Võ Thị Lệ Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Tĩnh;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa***: Ông Lê Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 08 năm 2026, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 2 - Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án HNGĐ thụ lý số 76/2026/TLST-HNGĐ ngày 20/04/2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/07/2026 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh Lâm Quang H, sinh ngày: 10/07/1987; CCCD số: 042087003..., cấp ngày: 19/04/2021, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; Nơi cư trú: Thôn Hoàng D, xã K, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

- ***Bị đơn***: Chị Đặng Thi N, sinh ngày: 26/12/1993; Mã số đinh danh cá nhân: 042193022....; Nơi thường trú: Thôn Hoàng D, xã K, tỉnh Hà Tĩnh. (Hiện đang sinh sống, làm việc tại nước Philippin - Vắng mặt, có ý kiến đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

- Những người tham gia tố tụng khác:

Người nhận ủy quyền về việc giao, nhận tài liệu văn bản tố tụng cho chị Đặng Thị N: Bà Hồ Thị Sum, sinh ngày: 01/07/1967; CCCD số: 042167008..., cấp ngày: 11/08/2021, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH và ông Đặng Quốc V, sinh ngày: 20/10/1970; CCCD số: 042070017...., cấp ngày: 10/08/2021, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; Đều cư trú: Thôn Đại Đ, xã K, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của các đương sự cũng như các tài liệu thu thập trong quá trình giải quyết, vụ án có nội dung như sau:

** Nguyên đơn anh Lâm Quang H trình bày*:

- *Về hôn nhân*: Anh và chị Đặng Thị N có đăng ký kết hôn vào ngày 12/07/2017 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Hà Tĩnh). Quá trình đi đến hôn nhân là do hai bên tự do tìm hiểu,

không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được gần 06 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không ai tìm cách hàn gắn tình cảm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Đặng Thị N.

- *Về con chung*: Trong quá trình hôn nhân, vợ chồng có 02 con chung là Lâm Tiểu L, sinh ngày: 26/12/2018 và Lâm Xuân H, sinh ngày: 25/03/2022. Vợ chồng không nhận ai làm con nuôi và cũng không ai có con riêng, tại thời điểm giải quyết ly hôn chị N không có thai.

Ban đầu, anh H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh H thay đổi yêu cầu về việc nuôi con, đề nghị giao cháu Lâm Xuân H cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lâm Tiểu L và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Anh H trình bày, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu Lâm Xuân H chủ yếu do bà ngoại trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đã có cuộc sống, sinh hoạt ổn định. Mặt khác, chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Vì vậy, anh H tự nguyện giao cháu Lâm Xuân H cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm bảo đảm sự ổn định về môi trường sống, sinh hoạt của cháu, tránh làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu. Việc thay đổi yêu cầu về người trực tiếp nuôi con là hoàn toàn tự nguyện của anh Hùng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Lâm Quang H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn chị Đặng Thị N*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đặng Thị N không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập. Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin xuất nhập cảnh của chị Ninh theo quy định. Theo Công văn số 163/QLXNC-Đ1 ngày 04-05-2026 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Hà Tĩnh, chị Đặng Thị N đã xuất cảnh lần gần nhất vào ngày 06-05-2024 qua Sân bay quốc tế Nội Bài bằng hộ chiếu số P01605..., không thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam trên hệ thống.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn chị Đặng Thị N, kể cả thông qua Ban Đối ngoại Đài Tiếng nói Việt Nam để thông báo cho người Việt Nam ở nước ngoài.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn không cung cấp được địa chỉ cụ thể tại nước ngoài đề nghị Tòa án tiến hành xác minh thông qua người thân của bị đơn đang sinh sống tại Việt Nam. Tòa án đã tiến hành xác minh thông qua bố, mẹ đẻ của chị N là ông Đặng Quốc V và bà Hồ Thị S. Ông V và bà S cung cấp thông tin: Ông V và bà Sxác nhận chị Đặng Thị N là con gái của ông, bà. Hiện chị N đang sinh sống, làm việc tại Philippin, ông bà không biết địa chỉ cụ thể nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với chị N qua mạng xã hội. Chị N và anh Lâm Quang H kết hôn năm 2017 tại UBND xã Kỳ K, quá trình kết hôn là tự nguyện. Vợ chồng chung sống đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Về nguyên nhân mâu

thuẫn, ông bà không rõ. Đối với yêu cầu ly hôn của anh H, ông bà không phản đối, không can thiệp và mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Chị N và anh H có 02 con chung là Lâm Tiểu L, sinh ngày 26/12/2018 và Lâm Xuân H, sinh ngày 25/3/2022. Trường hợp chị N được giao trực tiếp nuôi con, ông bà đồng ý hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu trong thời gian chị N lao động ở nước ngoài và không yêu cầu chị N hoặc anh H thanh toán chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chị N và anh H, ông bà không biết và không có ý kiến. Do chị N đang ở nước ngoài, ông bà đồng ý nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết thông báo đầy đủ, kịp thời cho chị N.

Tòa án ghi nhận ý kiến của chị Đặng Thị N bằng hình thức liên lạc qua phương tiện thông tin điện tử, có sự chứng kiến của người thân và chính quyền địa phương, nội dung: Chị N đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Quang H, không có yêu cầu phản tố. Chị thống nhất về quá trình kết hôn, chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, thời điểm ly thân như anh H đã trình bày và xác định tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn. Về con chung, chị N xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Lâm Tiểu L, sinh ngày 26/12/2018 và Lâm Xuân H, sinh ngày 25/3/2022, không có con nuôi, không ai có con riêng và tại thời điểm giải quyết vụ án không mang thai. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Hùng cấp dưỡng. Trường hợp được giao nuôi các con, chị nhờ bố, mẹ đẻ là ông Đặng Quốc V và bà Hồ Thị S chăm sóc các cháu trong thời gian chị làm việc ở nước ngoài. Nếu anh H nhất quyết nhận nuôi cả hai con chung thì chị N cũng đồng ý do hiện chưa có điều kiện về Việt Nam trực tiếp chăm sóc các con. Chị N ủy quyền cho bà Hồ Thị S nhận các văn bản tố tụng và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị trong toàn bộ quá trình tố tụng. Về tài sản chung, nợ chung, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của con chung: Cháu Lâm Tiểu L có nguyện vọng được ở với bố là Lâm Quang H.

** Người tham gia tố tụng khác ông Đặng Quốc V và bà Hồ Thị S (bố mẹ đẻ chị Đặng Thị N) trình bày*:

Ông, bà là bố, mẹ đẻ của chị Đặng Thị N. Ông, bà xác nhận chị N hiện đang lao động tại Philippin, không rõ địa chỉ cư trú cụ thể nhưng gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với chị qua phương tiện thông tin điện tử. Ông, bà xác nhận chị N và anh H kết hôn tự nguyện, phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023. Ông, bà không phản đối việc ly hôn nhưng mong vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lâm Tiểu L và Lâm Xuân H hiện do ông, bà trực tiếp chăm sóc. Trường hợp chị Đặng Thị N được giao trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và trong thời gian chị N lao động ở nước ngoài có nguyện vọng nhờ ông bà hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu thì ông, bà đồng ý và đồng thời không yêu cầu chị N và anh Lâm Quang H thanh toán chi phí nuôi dưỡng các cháu trong thời gian ông, bà hỗ trợ nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì ông, bà không nắm rõ nên không có ý kiến. Ông, bà không có yêu cầu khởi kiện độc lập đối với nguyên đơn, bị đơn trong vụ án, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ và có đơn xin giải

quyết, xét xử vắng mặt. Ông, bà đồng ý nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt cho chị N và cam kết thông báo đầy đủ. Đồng thời xác nhận chị N đã biết nội dung vụ án, đã trình bày đã trao đổi, thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh H thông qua ông, bà cụ thể: Về hôn nhân: Chị N đồng ý ly hôn với anh H; về con chung: Chị có nguyện vọng được nhận nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Tĩnh tại phiên toà:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ về quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt thông qua biên bản ghi nhận ý kiến lập ngày 13/07/2026. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 2, khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 149, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464, Điều 469, khoản 2 Điều 479, Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025; Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình; Căn cứ điểm khoản 3 Điều 4, điểm c khoản 3 Điều 6, Điều 10 Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 và mục A danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Lâm Quang H được ly hôn với chị Đặng Thị N; Về con chung: Giao con chung là Lâm Tiểu L cho anh Lâm Quang H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Lâm Xuân H cho chị Đặng Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu về cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên đề nghị không xem xét; Về tài sản, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị miễn xét. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí tố tụng đăng báo đài của Ban Đối ngoại VOV5 - Đài Tiếng nói Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Nguyên đơn anh Lâm Quang H khởi kiện với bị đơn chị Đặng Thị N, yêu cầu giải quyết về ly hôn và con chung. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Chị Đặng Thị N có nơi thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn Hoàng D, xã K, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang cư trú tại nước ngoài (Chị N đã xuất cảnh lần gần nhất vào ngày 06/05/2024 qua Sân bay quốc tế Nội Bài bằng hộ chiếu số P01605850, không thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam trên hệ thống). Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết vụ việc là có căn cứ, đúng thẩm quyền quy định.

[1.2] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Đặng Thị N. Chị N đã có ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị xét xử vắng mặt. Ý kiến của chị N được Tòa án ghi nhận thông qua người thân và qua buổi làm việc bằng phương tiện điện tử, có sự chứng kiến của người thân chị N và chính quyền địa phương. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Đặng Thị N và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Quang H và chị Đặng Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 12/07/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Kỳ K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Hà Tĩnh). Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa anh H và chị N là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, phát sinh mâu thuẫn, đồng thời do điều kiện công việc bận rộn, vợ chồng ít quan tâm, chia sẻ, động viên nhau nên tình cảm ngày càng phai nhạt. Các bên xác định đã ly thân từ lâu, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn tình cảm và đều mong muốn được ly hôn.

Việc vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài, không còn liên lạc, không có biện pháp hàn gắn tình cảm cho thấy quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc, vợ chồng yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau không đạt được nên cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Lâm Quang H được ly hôn với chị Đặng Thị N.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lâm Tiểu L, sinh ngày: 26/12/2018 và cháu Lâm Xuân H, sinh ngày: 25/03/2022. Quá trình giải quyết vụ án, cả anh H và chị N đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con

chung và không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh H thay đổi ý kiến, tự nguyện giao cháu Lâm Xuân H cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, còn anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lâm Tiểu L.

Xét thấy, cháu L đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được ở với bố, anh Lâm Quang H có đủ điều kiện, nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Đối với cháu H, từ khi bố mẹ ly thân đến nay cháu chủ yếu do bà ngoại chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống ổn định. Chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và ông, bà ngoại tự nguyện hỗ trợ chăm sóc cháu trong thời gian chị N lao động ở nước ngoài. Việc anh H thay đổi yêu cầu về người trực tiếp nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và phù hợp với hoàn cảnh thực tế của các cháu. Do đó, giao cháu Lâm Tiểu L cho anh Lâm Quang H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Lâm Xuân H cho chị Đặng Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H và chị N đều không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[2.4] Về án phí, chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 2, khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 149, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464, Điều 469, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm khoản 3 Điều 4, điểm c khoản 3 Điều 6, Điều 10 Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 và mục A danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Lâm Quang H được ly hôn với chị Đặng Thị N.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lâm Tiểu L, sinh ngày: 26/12/2018 cho anh Lâm Quang H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18

tuổi); Giao cháu Lâm Xuân H, sinh ngày: 25/03/2022 cho chị Đặng Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lâm Quang H và chị Đặng Thị N không yêu cầu cấp dưỡng về nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai ngăn cấm cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Lâm Quang H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000641 ngày 20/04/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Anh Lâm Quang H đã nộp đủ.

4. Về lệ phí: Anh Lâm Quang H phải nộp 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí đăng tải thông báo nhắn tin trên VOV5 của Ban Đối ngoại Đài Tiếng nói Việt Nam, nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí đã nộp theo phiếu thu số 45.5/2026 ngày 13/05/2026 của Ban Đối ngoại VOV5 - Đài Tiếng nói Việt Nam. Anh H đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 2 - Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng THADS khu vực 2 - Hà Tĩnh;
- UBND xã K, tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Hoàng